

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nga

Bà Đặng Thị Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Đặng Bá N**, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: **khu phố E, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.**

- Bị đơn: bà **Hoàng Hoài T**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: **khu phố G, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông **Đặng Bá N** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian quen biết và yêu nhau, tôi **Đặng Bá N** và bà **Hoàng Hoài T** quyết định đi đến hôn nhân, xây dựng hạnh phúc gia đình và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận** vào ngày 23/02/1999.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc. Sau đó cuộc sống vợ chồng xuất hiện nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, không

ai nói đến ai, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Khoảng 10 năm trở lại đây (kể từ năm 2014) vợ tôi dọn đồ đạc về sống với gia đình mẹ tại khu phố G, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Cho đến nay, tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân và gia đình không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Hoàng Hoài T.

- Về con chung: vợ chồng có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng Thùy D, sinh ngày 12/6/1999, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Hoàng Hoài T, quá trình làm việc tại Tòa bà trình bày: bà và ông Đặng Bá N chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến năm 1999 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, hay cãi vã nhau, ông bà đã sống ly thân hơn 10 năm nay; bà T không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông N vì gia đình bà theo Đ nên không ký vào giấy tờ ly hôn. Về con chung: ông, bà có 01 (một) người con chung tên Đặng Hoàng Thùy D, sinh ngày 12/6/1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, về nợ chung: không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đều đảm bảo theo quy định.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Khoản 1 Điều 56, Điều 57 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 tuyên:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Đặng Bá N được ly hôn bà Hoàng Hoài T. Về con chung: ông bà có 01 con chung là Đặng Hoàng Thùy D, sinh ngày 12/6/1999, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: nguyên đơn ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông **Đặng Bá N** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà **Hoàng Hoài T**, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn bà **Hoàng Hoài T** cư trú tại **thành phố P, tỉnh Bình Thuận** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà **T** là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Đặng Bá N** và bà **Hoàng Hoài T** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **Đ**, thành phố **P**, tỉnh **Bình Thuận** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền số 01/2010 ngày 10/11/2010 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân của ông **N**, bà **T** là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông **N**, bà **T** chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian nhưng sau khi có con thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, không ai quan tâm đến ai. Kể từ năm 2014 bà **T** về sống với gia đình mẹ tại **khu phố G, phường L, thành phố P**. Đến nay ông, bà đã sống ly thân hơn 10 năm, không ai quan tâm đến ai nên ông **N** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà **T**. Tại biên bản lấy lời khai, bà **T** không có ý kiến gì vì gia đình bà có **Đ** nên không thể ký vào đơn ly hôn và bà **T** không đến Tòa để hòa giải cho thấy tình trạng hôn nhân không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông **N**, bà **T** đã kéo dài một thời gian, đời sống chung vợ chồng không có. Tuy Tòa án đã tạo điều kiện để hai bên đương sự hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông **N** vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà **T**. Đến nay ông, bà cũng không có giải pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả bà **T**, ông **N** đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà **T** là

có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: xét thấy ông **N**, bà **T** có 01 (một) người con chung tên **Đặng Hoàng Thùy D**, sinh ngày 12/6/1999, hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: ông **Đặng Bá N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Bá N**.

- Về quan hệ hôn nhân: ông **Đặng Bá N** được ly hôn với bà **Hoàng Hoài T**.

- Về con chung: ông **N**, bà **T** có 01 (một) người con chung tên **Đặng Hoàng Thùy D**, sinh ngày 12/6/1999, hiện con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông **N**, bà **T** không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3/ Án phí: ông **Đặng Bá N** phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông **N** đã nộp theo biên lai thu số 0001519 ngày 03/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông **N** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/5/2024). Bị đơn

vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ